

Số: 01 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, phát hành ngày 03/3/2026.
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, gồm một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng tài sản	334.080	
2	Nợ phải trả	154.416	
3	Tổng Doanh thu	156.248	
4	Vốn chủ sở hữu	179.664	
5	Lợi nhuận trước thuế	23.724	
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.790	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK, KTTV.

CÔNG TY
CP CẤP
NƯỚC
CÀ MAU

Digitally signed by CÔNG TY CP
CẤP NƯỚC CÀ MAU
DN: C=VN, S=CÀ MAU, L=Thành
phố Cà Mau, CN=CÔNG TY CP
CẤP NƯỚC CÀ MAU,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:2000101918
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2026.07.02 10:48:
10+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
và cổ tức được chia năm 2025

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/6/2025;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, phát hành ngày 03/3/2026.
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025, cụ thể:

1. Báo cáo kết quả lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 06/6/2025, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2024 với ngày đăng ký cuối cùng là 24/11/2025 và ngày chi trả là 05/12/2025 theo danh sách người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.790	
2	Phân phối lợi nhuận		
2.1	Trích Quỹ đầu tư phát triển 1,5%	282	
2.2	Trích Quỹ dự phòng tài chính 3%	564	
2.3	Trích quỹ thưởng người quản lý 3%	564	
2.4	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 20%	3.758	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng 50%	1.879	
	+ Quỹ phúc lợi 50%	1.879	
2.5	Lợi nhuận chia cổ tức 72,5%	13.608	
2.6	Lợi nhuận sau thuế còn lại	14	
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	8,76%	

* **Ghi chú:** Đối với Quỹ dự phòng tài chính thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, số tiền trích nếu sử dụng không hết sẽ được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

3. Kế hoạch thực hiện chia cổ tức năm 2025

- Thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức: Ngày 18/11/2026.
- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Kể từ ngày 18/12/2026.
- Phương thức chi trả: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời gian thông báo chi cổ tức: Chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện việc chi trả cổ tức.

- Kế khai số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước: Thực hiện theo Thông tư số 85/2021/TT-BTC ngày 05/10/2021 của Bộ Tài chính.

- Thời hạn nộp cổ tức cho phần vốn nhà nước: Thực hiện theo Thông tư số 85/2021/TT-BTC ngày 05/10/2021 của Bộ Tài chính; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo thông báo thời gian chi trả cổ tức của Công ty.

- Địa điểm nhận cổ tức bằng tiền (*Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán*): Phòng Kế toán Tài vụ - Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau. Số 204 đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK, KTTV.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh
và phân phối lợi nhuận năm 2026**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và dự đoán tình hình thực hiện năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2026, với các nội dung chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch sản xuất kinh doanh		
1	Nước thương phẩm	Triệu m ³	17,8
2	Doanh thu	Triệu đồng	158.700
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.925
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.740
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	35.000
II	Phân phối lợi nhuận	%	100
1	Quỹ đầu tư phát triển	%	1
2	Quỹ thưởng người quản lý	%	2,5
3	Dự phòng phải trả khác	%	1
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	%	23
	- <i>Quỹ khen thưởng (KH 60%)</i>	%	13,8
	- <i>Quỹ phúc lợi (KH 40%)</i>	%	9,2
5	Cổ tức	%	72,5

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Tài liệu kèm theo: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và các phụ lục.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK, KHKD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026



Cà Mau, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025
và điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2021;
Căn cứ Biên bản số 02/BB-HĐQT ngày 25/3/2026 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Tờ trình số 12/TTr-CNCM ngày 23/3/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc phê duyệt mức tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2025 (kèm theo Tờ trình).

Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành: 05/05 thành viên, tỷ lệ 100%.

Điều 2. Thống nhất thông qua Tờ trình số 13/TTr-CNCM ngày 23/3/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 (kèm theo Tờ trình).

Cụ thể:

Tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 (sau khi điều chỉnh):
47.291.496.000 đồng. Trong đó:

- Tổng quỹ tiền lương : 46.811.496.000 đồng.
- Tổng quỹ thù lao : 480.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành: 05/05 thành viên, tỷ lệ 100%.

Điều 3. Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện các thủ tục quyết toán, chi trả tiền lương thực hiện năm 2025; Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau theo quy định.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và một số nội dung (liên quan đến mức tiền lương, quỹ tiền lương của người lao động) tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau không còn phù hợp với Nghị quyết này đều được bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 01868/UBND-KTTH ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 đối với người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc thống nhất điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 04/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 04/10/2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Tây Nam Bộ;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) kính trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 của Công ty và thù lao quản lý Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn, như sau:

I- TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025: **43.432.896.000** đồng.

1.1. Mức tiền lương và Quỹ tiền lương:

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2025: **42.952.896.000** đồng.

Trong đó:

- Người lao động và Ban điều hành:
 - + Tổng số lao động bình quân thực hiện: 254,92 người.
 - Trong đó:* Ban điều hành : 03 người.
 - Người lao động : 251,92 người.
 - + Mức tiền lương bình quân: 13.645.026 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ tiền lương: 41.740.680.000 đồng/năm.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - + Mức tiền lương: 62.434.000 đồng/tháng.
 - + Quỹ tiền lương : 749.208.000 đồng/năm.
- Trưởng Ban kiểm soát:
 - + Mức tiền lương: 38.584.000 đồng/tháng.
 - + Quỹ tiền lương : 463.008.000 đồng/năm.

1.2. Mức thù lao và Quỹ thù lao:

Tổng quỹ thù lao thực hiện năm 2025: **480.000.000** đồng.

Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
 - + Số thành viên : 04 người.
 - + Mức thù lao : 8.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ thù lao : 384.000.000 đồng/năm.
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:
 - + Số thành viên : 02 người.
 - + Mức thù lao : 4.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ thù lao : 96.000.000 đồng/năm

2. Trường hợp khác

2.1. Thù lao của Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT:

- Số lượng : 01 người.
- Mức thù lao : 4.000.000 đồng/tháng.
- Quỹ thù lao : 48.000.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

2.2. Thù lao của lãnh đạo, quản lý không chuyên trách Hệ thống cấp nước khu đô thị Năm Căn:

- Số lượng: 04 người.
- Quỹ thù lao: 229.680.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí quản lý thuộc Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn.

II- TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Quỹ thưởng người quản lý:

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	93.651.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	57.876.000
3	Ban điều hành	Đồng	210.675.000
	Tổng cộng		362.202.000

2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:

Stt	Chức danh	ĐVT	Số tiền
1	Quỹ khen thưởng	Đồng	1.879.047.745
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	1.879.047.745
	Tổng cộng		3.758.095.490

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận./.

Tài liệu gửi kèm:

- (1). Bản thuyết minh chi tiết tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025.
- (2). Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2025.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị Công ty;
- BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TCNS, KTTV.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2111/UBND-KTTH ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Cà Mau về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán) và số liệu quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) kính trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Công ty và thù lao quản lý Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn, như sau:

I- TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2026: **47.291.496.000** đồng.

1. Mức tiền lương và Quỹ tiền lương:

Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026: **46.811.496.000** đồng.

Trong đó:

- Người lao động và Ban điều hành:

+ Tổng số lao động bình quân kế hoạch : 260 người.

Trong đó: Ban điều hành : 05 người;

Người lao động : 255 người.

- + Mức tiền lương bình quân : 14.593.300 đồng/người/tháng.
- + Quỹ tiền lương : 45.531.096.000 đồng/năm.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - + Mức tiền lương : 70.300.000 đồng/tháng.
 - + Quỹ tiền lương : 843.600.000 đồng/năm.
- Trưởng Ban kiểm soát:
 - + Mức tiền lương : 36.400.000 đồng/tháng.
 - + Quỹ tiền lương : 436.800.000 đồng/năm.

2. Mức thù lao và Quỹ thù lao:

Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2026: **480.000.000** đồng.

Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
 - + Số thành viên: 04 người.
 - + Mức thù lao : 8.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ thù lao : 384.000.000 đồng/năm.
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:
 - + Số thành viên: 02 người.
 - + Mức thù lao : 4.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ thù lao : 96.000.000 đồng/năm

3. Tạm ứng chi tiền lương:

Trên cơ sở mức tiền lương kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, hàng tháng Công ty tạm ứng 93% mức tiền lương kế hoạch để chi lương. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh (sau khi có Báo cáo tài chính được kiểm toán) Công ty quyết toán tiền lương thực hiện theo quy định.

4. Chênh lệch giữa Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025:

ĐVT: Triệu đồng.

Nội dung	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán lương thực hiện năm 2025	Chênh lệch
Người lao động và Ban điều hành	47.214.000.000	45.531.096.000	- 1.682.904.000

Nội dung	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán lương thực hiện năm 2025	Chênh lệch
+ Người lao động	44.370.000.000	42.687.096.000	- 1.682.904.000
+ Ban điều hành	2.884.000.000	2.884.000.000	0
Chủ tịch HĐQT	843.600.000	843.600.000	0
Trưởng BKS	436.800.000	436.800.000	0

*** Lý do:**

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt: Do số liệu xây dựng kế hoạch tiền lương dựa trên số **ước thực hiện** kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán tiền lương thực hiện: Số liệu xây dựng kế hoạch tiền lương là **số thực**, dựa trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

- Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến việc giảm Quỹ tiền lương kế hoạch: Tổng chi phí thực hiện năm 2025 tăng so với số ước thực hiện, đặc biệt là **chi phí chưa có lương tăng**.

+ Chi phí chưa có lương tăng làm cho năng suất lao động và mức tiền lương bình quân thực hiện của người lao động giảm so với số ước thực hiện, dẫn đến mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động giảm theo.

+ Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động: 13.950.000 đồng/người/tháng.

+ Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, Ban điều hành sẽ chủ động thực hiện các giải pháp tiết giảm các khoản chi phí hợp lý để đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động đạt theo kế hoạch tiền lương đã được cấp thẩm quyền thông qua.

II- TRƯỜNG HỢP KHÁC

1. Thù lao của người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT:

- Số lượng : 01 người.
- Mức thù lao : 4.000.000 đồng/tháng.
- Quỹ thù lao : 48.000.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

2. Thù lao của lãnh đạo, quản lý không chuyên trách Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn:

- Số thành viên: 06 người.
- Mức thù lao bình quân: 5.121.667 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao: 368.760.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí quản lý thuộc Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm

Căn.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận./.

Tài liệu gửi kèm:

- (1). Bản thuyết minh chi tiết tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026.
- (2). Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: *YC*

- Hội đồng quản trị công ty;
- BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TCNS, KTTV *4/2*



Phạm Phước Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2111 /UBND-KTTH

Cà Mau, ngày 11 tháng 02 năm 2026

V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh
năm 2026 của Công ty Cổ phần
Cấp nước Cà Mau

Kính gửi: Người Đại diện phần vốn nhà nước
tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau

Sau khi xem xét các nội dung xin ý kiến của Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau trước khi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Tờ trình số 04/TTr-CNCM ngày 15/01/2026 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và Báo cáo số 08/BC-CNCM ngày 26/01/2026 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; rà soát, tham mưu, đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 910/STC-ĐKKD ngày 28/01/2026 (kèm theo ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 577/SNV-VL ngày 26/01/2026); ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo báo cáo của Sở Tài chính tại Báo cáo số 76/BC-STC ngày 04/02/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Thông nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau theo nội dung xin ý kiến của Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại Tờ trình số 04/TTr-CNCM ngày 15/01/2026; yêu cầu Người Đại diện phần vốn nhà nước rà soát, có ý kiến tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để biểu quyết theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện (kèm theo văn bản có liên quan qua iOffice)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (iO);
- Sở Tài chính (iO);
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Phòng Kinh tế (Ph_{CNCM}01.3) (01b);
- Lưu: VT, M.A446/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Chí Nguyễn

TỜ TRÌNH
Về việc xin ý kiến về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) trình xin ý kiến Chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với các nội dung chính: chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh; sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ thù lao của Công ty và Hệ thống cấp nước khu đô thị Năm Căn năm 2026 để làm cơ sở thực hiện và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026, như sau:

I. ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026:

1.1. Chỉ tiêu về kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	17.800.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	14,50
3	Phát triển khách hàng	KH	2.000	2.150	2.500
4	Thay và cải tạo ĐHN	cái	13.000	13.000	14.500
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60	60	70

1.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	Trđ	153.600	155.022	158.700	102,37 %
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	132.775	100,91 %

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	25.925	110,60 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	20.740	110,60 %
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	35.000	103,18 %
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	9,68	110,63 %

1.3. Phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Ước TH	Tỷ lệ (%)	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5	264	281	1	207
2	Quỹ thưởng người quản lý	3	528	563	2,5	519
3	Dự phòng phải trả khác	3	528	563	1	207
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.520	3.750	23	4.770
	- Quỹ khen thưởng (KH 60%)	10	1.760	1.875	-	2.862
	- Quỹ phúc lợi (KH 40%)	10	1.760	1.875	-	1.908
5	Cổ tức	72,5	12.760	13.595	72,5	15.037
	Tổng cộng	100	17.600	18.752	100	20.740

2. Kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026:

2.1. Kế hoạch sử dụng lao động:

Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026 xây dựng trên cơ sở tình hình sử dụng lao động năm 2025 và quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) : 01 người.
- Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) : 01 người.
- Người lao động (bao gồm Ban điều hành) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người.
- + Người lao động : 255 người.

2.2. Kế hoạch quỹ tiền lương, quỹ thù lao:

2.2.1. Tiền lương:

a) Quỹ tiền lương:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành):	260	47.214	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KTT)	05	2.844	
	- Người lao động	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

b) Mức tiền lương:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

2.2.2. Thù lao:

a) Quỹ thù lao:

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	04	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	02	96	

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
3	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	01	48	
	Tổng cộng	07	528	

b) Mức thù lao:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	08	
2	Thành viên Ban kiểm soát	04	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	04	

II. ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC KHU ĐÔ THỊ NĂM CẦN

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026:

1.1. Chỉ tiêu về kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	1.100.000	1.031.332	1.050.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	20%	18,96%	18%
3	Phát triển khách hàng	KH	100	121	120
4	Thay và cải tạo ĐHN	Bộ	200	303	4.000
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	55	85	90

1.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Trđ	7.800	8.490	8.600
2	Tổng chi phí	Trđ	5.514	6.077	5.874
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.286	2.413	2.726
4	Thuế TNDN	Trđ	536	577	676
5	Lợi nhuận còn lại	Trđ	1.750	1.836	2.050

2. Kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026:

2.1. Kế hoạch sử dụng lao động:

- Người quản lý (không chuyên trách) : 06 người.
- Người lao động : 14 người.

2.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao:

Tổng quỹ tiền lương và quỹ thù lao: 2.804,76 triệu đồng.

2.2.1. Tiền lương của người lao động:

- Quỹ tiền lương: 2.436 triệu đồng.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch: 14,5 triệu đồng/người/tháng.

2.2.2. Thù lao của người quản lý (không chuyên trách):

- Quỹ thù lao: 368,76 triệu đồng.
- Mức thù lao: 10% mức tiền lương kế hoạch của các chức danh lãnh đạo quản lý Công ty.

Người đại diện phân vốn nhà nước kính trình Chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến thực hiện./.

Tài liệu kèm theo:

(1). Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

(2). Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và các phụ lục kèm theo (*Kế hoạch sử dụng lao động; Kế hoạch tiền lương năm 2026 của Công ty và Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Xi nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn*).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC

Nơi nhận:

- Chủ sở hữu (UBND tỉnh Cà Mau);
- Sở Tài chính Cà Mau;
- Sở Nội vụ Cà Mau;
- Lưu: VT, TCNS.



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hồ Tấn Luật

Tổng giám đốc
Phạm Phước Tài

Phó Tổng giám đốc
Phạm Tấn Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Số: 12 /NQ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2021;
Căn cứ Biên bản số 11/BB-HĐQT ngày 29/12/2025 về việc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (trong đó, bao gồm Kế hoạch sử dụng lao động và Kế hoạch tiền lương năm 2026) tại Tờ trình số 54/TTr-CNCM ngày 26/12/2025 của Tổng giám đốc (có kèm theo).

HĐQT biểu quyết: Tán thành 05/05 thành viên, đạt tỷ lệ 100%.

Điều 2. Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định và Ban điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

TỜ TRÌNH

V/v xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) kính trình Hội đồng quản trị cho chủ trương thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với các nội dung chính về chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận, sử dụng lao động và quỹ tiền lương, thù lao năm 2026, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

1.1. Chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	17.800.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	14,50
3	Phát triển khách hàng	KH	2.000	2.150	2.500
4	Thay và cải tạo ĐHN	Cái	13.000	13.000	14.500
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60	60	70

1.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	Trđ	153.600	155.022	158.700	102,37%
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	132.775	100,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	25.925	110,60%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	20.740	110,60%
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	35.000	103,18%
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	9,68	110,62%

2. Phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Ước TH	Tỷ lệ (%)	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5	264	281	1	207
2	Quỹ thưởng người quản lý	3	528	563	2,5	519
3	Dự phòng phải trả khác	3	528	563	1	207
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.520	3.750	23	4.770
	- <i>Quỹ khen thưởng (KH 60%)</i>	10	1.760	1.875	-	2.862
	- <i>Quỹ phúc lợi (KH 40%)</i>	10	1.760	1.875	-	1.908
5	Cổ tức	72,5	12.760	13.595	72,5	15.037
	Tổng cộng	100	17.600	18.752	100	20.740

3. Về sử dụng lao động và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026:

3.1. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026:

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) : 01 người.
- Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) : 01 người.
- Người lao động (bao gồm Ban điều hành) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người.
- + Người lao động : 255 người.

3.2. Kế hoạch quỹ tiền lương và thù lao năm 2026:

3.2.1. Quỹ tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành)	260	47.214	
	- <i>Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)</i>	05	2.844	
	- <i>Người lao động</i>	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

3.2.2. Mức tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

3.3. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2026:

3.3.1. Quỹ thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Kế hoạch 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

3.3.2. Mức thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận thông qua./.

Tài liệu kèm theo:

- (1) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- (2) Phụ lục 1: Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026;
- (3) Phụ lục 2: Kế hoạch tiền lương năm 2026.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, KHKD, iO.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

**Phần 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**

1. Đặc điểm tình hình:

Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) là doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, chiếm 71,49% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch. Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành khai thác với công suất khoảng 60.000 m³/ngày đêm; phục vụ cung cấp nước khoảng 80.000 khách hàng (bao gồm hộ gia đình, cơ quan và doanh nghiệp); chiều dài mạng lưới đường ống khoảng 680 km, đường kính từ D42mm đến D400mm được lắp đặt tại các phường, xã của tỉnh Cà Mau. Mục tiêu chung của Công ty là kiểm soát an ninh an toàn nguồn nước, chất lượng nước, đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ nhân dân và góp phần chung vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều tác động bất lợi từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, triều cường dâng cao, thời tiết cực đoan kéo dài, lưu lượng và chất lượng nước khai thác giảm. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tinh thần đoàn kết, nỗ lực của tập thể người lao động, Công ty đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, vượt qua khó khăn và hoàn thành đạt vượt hầu hết các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Tăng trưởng đạt cao theo chỉ tiêu đã đăng ký, năng suất và thu nhập của người lao động được tăng thêm, đời sống ổn định, người lao động luôn đoàn kết, gắn bó với công việc, an tâm làm việc góp phần cho kết quả đạt được trong năm 2025 và định hướng phát triển năm 2026.

2. Kết quả thực hiện:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

2.1.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Tỷ lệ ước thực hiện so kế hoạch	Ghi chú
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	100%	
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	100%	
3	Khách hàng phát triển mới	Bộ	2.000	2.150	107,50%	
4	Thay đồng hồ	Bộ	13.000	13.000	100%	
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60%	60%	100%	

2.1.2. Các chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Ước thực hiện năm 2025	Tỷ lệ ước thực hiện so kế hoạch	Ghi chú
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Trđ	153.600	155.022	100,93%	
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	99,99%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	106,55%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	106,55%	
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	113,07%	
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	106,58%	

2.1.3. Phân phối lợi nhuận:

TT	Nội dung phân phối	Kế hoạch năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	
		Tỷ lệ	Thành tiền (Trđ)	Tỷ lệ	Thành tiền (Trđ)
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5%	264	1,5%	281
2	Quỹ thưởng người quản lý	3%	528	3%	563
3	Quỹ dự phòng tài chính	3%	528	3%	563
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	3.520	20%	3.750
5	Cổ tức	72,5%	12.760	72,5%	13.595
	Tổng cộng	100%	17.600	100%	18.752

2.2. Kết quả thực hiện các chế độ chính sách và sử dụng lao động:

2.2.1. Sử dụng lao động:

- Tổng số lao động: **254** người. Trong đó:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) : 01 người.
- + Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) : 01 người.
- + Người lao động (bao gồm Ban điều hành) : 252 người.

- Công ty bố trí, sử dụng lao động hợp lý theo vị trí việc làm, bảo đảm phát huy năng lực chuyên môn của từng cá nhân; phân công nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo; thường xuyên rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động.

2.2.2. Tiền lương và thực hiện các chế độ theo quy định của nhà nước cho người lao động:

- Thực hiện chi trả tiền lương theo vị trí việc làm và kết quả đánh giá của mức độ hoàn thành nhiệm vụ; bảo đảm công bằng, minh bạch.

- Mức lương kế hoạch năm 2025: 12,5 triệu đồng/người/tháng; mức lương thực hiện bình quân: 13,8 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ phúc lợi khác theo quy định.

- Việc chi trả lương, thưởng đúng thời hạn theo Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy Công ty.

2.2.3. Về an sinh, xã hội:

Công ty phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Đoàn thanh niên trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, đồng thời tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2.3. Công tác quản lý nội bộ

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 06/6/2025), thông qua nhiều nội dung quan trọng về sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển.

- Tăng cường công tác an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy; xây dựng môi trường làm việc kỷ cương, an toàn và đoàn kết.

2.4. Công tác thực hiện sản xuất, kinh doanh:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, công tác chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, quản lý và đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng đường ống, khoan giếng bổ sung nguồn cung cấp, lắp đặt hệ thống công nghệ bồn lọc xử lý nước tại các trạm, nhà máy,

xúc rửa đường ống, bể chứa, bể lọc, sửa chữa nhà trạm, trụ sở làm việc của các đơn vị đảm bảo cung cấp nước ổn định phục vụ nhân dân.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành của Công ty theo ca trực luân phiên, đảm bảo tuyệt đối để cung cấp nước phục vụ khách hàng an toàn, liên tục.

- Thực hiện theo dõi, quản lý, bàn giao trước, trong và sau ca vận hành. Thường xuyên thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, công nghệ, luôn đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong công tác vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vận hành và vệ sinh ngoại cảnh, vùng bảo hộ, vệ sinh khu vực lấy nước tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước đúng quy định và đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật Giấy phép khai thác nước của các giếng thuộc các trạm và nhà máy để thực hiện gia hạn, cấp phép mới. Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát hệ thống quan trắc online (lưu lượng, mực nước động và chất lượng) đảm bảo theo quy định của giấy phép.

2.5. Quản lý chất lượng nước, thiết bị đo và chống thất thoát:

- Phòng thử nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 thực hiện công tác nội kiểm và thuê đơn vị ngoài thực hiện công tác ngoại kiểm. Đồng thời, phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật Cà Mau thực hiện công tác ngoại kiểm theo định kỳ và đột xuất; đảm bảo nguồn nước sạch đạt chất lượng theo quy định cung cấp phục vụ đến khách hàng.

- Phối hợp Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thực hiện công tác kiểm định đồng hồ nước theo mẫu, khi lắp đặt cho khách hàng đảm bảo theo quy định.

- Chống thất thoát nước là công tác trọng tâm, thường xuyên và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ như: tăng cường công tác quản lý, phân vùng tách mạng, dò tìm rò rỉ, ứng dụng vật liệu, công nghệ để giảm tỷ lệ thất thoát theo quy định của Chính phủ.

2.6. Công tác ứng dụng công nghệ chuyển đổi số và chăm sóc khách hàng:

- Triển khai đẩy mạnh công tác chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, ứng dụng phần mềm quản lý khách hàng, lắp đặt đồng hồ thông minh, ghi chỉ số online, thu tiền nước không dùng tiền mặt, phát hành hóa đơn điện tử,... nhằm đơn giản hóa trong công tác quản lý và thuận tiện cho khách hàng.

- Phát triển App chăm sóc khách hàng, website của Công ty để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin về dịch vụ của Công ty như: chất lượng nước, sự cố cấp nước, thanh toán tiền nước, yêu cầu sửa chữa, lắp đặt đồng hồ nước,... Hiện

nay, Công ty đang theo dõi, xử lý kịp thời các phản ánh của khách hàng qua kênh CaMau-G, kể cả ngày nghỉ, lễ đúng thời gian theo quy định.

- Thực hiện nghiêm Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực cấp nước tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng trong việc thi công lắp đặt đồng hồ nước, sửa chữa, nâng cấp và thay thế đồng hồ cho khách hàng, các hồ sơ thủ tục, xử lý đúng thời hạn theo quy định, đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục đến khách hàng.

2.7. Công tác tài chính, tài sản và công bố thông tin:

- Thực hiện đúng chế độ kế toán, giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, thu, chi, tiết kiệm chi phí, chi trả lương, quyết toán, xây dựng kế hoạch tài chính và công khai minh bạch công tác tài chính Công ty theo quy định.

- Sử dụng tốt tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ vào sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện đúng pháp luật về thuế, phí, bảo hiểm, cổ tức và nộp ngân sách theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm toán độc lập và báo cáo đúng thời gian quy định.

- Công bố thông tin định kỳ, bất thường, đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

2.8. Công tác đầu tư, mua sắm và các công trình thực hiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh:

- Công tác đầu tư, mua sắm: Mua sắm thường xuyên trên cơ sở được cân đối theo nguồn vốn Công ty thu được hàng tháng, mua sắm theo chương trình kế hoạch hoặc đầu tư, mua sắm bức thiết, đảm bảo cấp nước an toàn để phục vụ kịp thời đến người dân; BĐH đã thực hiện mời thầu, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu rút gọn thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh như: xử lý nước, mua vật tư, thiết bị, hóa chất; đầu tư xây dựng; công nghệ, giếng khoan, trám lấp giếng, thay thế đồng hồ, tư vấn, phi tư vấn,... Ban điều hành đã thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Nghị quyết của HĐQT, Quy trình mua sắm vật tư hoặc ý kiến của Chủ tịch HĐQT trong thực hiện các công việc thường xuyên, mang tính cấp bách để phục vụ đảm bảo cấp nước an toàn,... với mục tiêu là không mất cân đối nguồn thu hàng tháng, hiệu quả trong đầu tư, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, đúng chủng loại, phù hợp với điều kiện địa phương, không có gián đoạn, cấp nước an toàn, có dự trù và dự phòng đáp ứng được nhu cầu phục vụ kịp thời trong sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tạm ứng nguồn vốn SXKD để đầu tư, sửa chữa hệ thống cấp nước khu đô thị Năm Căn nhằm đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ người dân trong khu vực.

- Công ty tập trung triển khai thi công các công trình cấp nước, phù hợp nhu cầu phát triển đô thị ở địa phương. Các công trình đã thực hiện gồm: Khu

nhà ở xã hội, tái định cư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước; đầu tư các công nghệ mới để giảm thất thoát nước; khoan giếng bổ sung nguồn nước; xử lý nước, trám lấp các giếng khoan không còn khai thác; súc rửa bể lọc, thay sỏi lọc; sửa chữa nhà trạm, trụ sở làm việc của các đơn vị; bảo trì, bảo dưỡng các giếng khoan, máy phát điện, tủ điều khiển bơm để nâng công suất khai thác và chất lượng nước.

2.9. Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện SXKD:

Thực hiện kiểm tra thường xuyên việc chấp hành nội quy, quy định pháp luật, giám sát chất lượng nước, áp lực mạng lưới, thay đồng hồ hết niên hạn, phối hợp chính quyền địa phương trong xử lý gian lận, thất thoát nước, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và hiệu quả.

Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty phối hợp xây dựng kế hoạch định kỳ, bất thường hàng tháng và hàng quý để kiểm tra công tác quản lý tại các đơn vị trực thuộc, qua đó tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị trực thuộc, kịp thời phân tích những tồn tại, hạn chế, đề ra giải pháp khắc phục (nếu có) và chỉ đạo thực hiện các biện pháp điều chỉnh phù hợp, nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh được giao.

2.10. Công tác khác

Công ty phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, Công đoàn và Đoàn Thanh niên trong việc triển khai công tác chính trị, phát động các phong trào thi đua, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động xã hội, thiện nguyện, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần trách nhiệm cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty phối hợp hiệu quả với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong việc đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, kịp thời cho các khu dân cư, tái định cư, khu đô thị mới, phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng đô thị và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện hỗ trợ giá nước sạch cho hộ chính sách theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đã triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo tăng trưởng ổn định, nâng cao hiệu quả tài chính, đời sống người lao động và uy tín doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số công việc đang dở dang sẽ được chuyển tiếp sang năm 2026 thực hiện, để tiếp tục phát huy mục tiêu tăng trưởng của Công ty đề ra và phát triển bền vững.

Phần 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

- Bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý, vận hành, giám sát và chăm sóc khách hàng, hướng tới mô hình doanh nghiệp nước thông minh.
- Nâng cao công tác quản trị, năng suất lao động, giảm chi phí vận hành, tối ưu hóa nguồn lực, bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.
- Nâng cao uy tín, vị thế của Công ty về lĩnh vực cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu lợi ích cộng đồng và đảm bảo sức khỏe người sử dụng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao về tự động hóa, công nghệ thông tin và quản lý mạng cấp nước; từng bước chuẩn hóa vị trí việc làm, nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả công việc và năng suất lao động.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý trên nền tảng số, bảo đảm đồng bộ dữ liệu trong toàn Công ty phục vụ điều hành, sản xuất và kinh doanh; triển khai các hệ thống: quản lý nhân sự, khách hàng, thu tiền nước không dùng tiền mặt, quản lý mạng lưới, scada, quan trắc trực tuyến, đồng hồ thông minh, dò tìm rò rỉ và ứng dụng công nghệ mới để xử lý nước.
- Tăng cường quản lý kỹ thuật, kiểm soát thất thu thất thoát nước bằng các giải pháp: phân vùng tách mạng, dò tìm, sửa chữa rò rỉ, cải tạo tuyến ống không đạt chuẩn, thay đồng hồ nước không đạt yêu cầu, xử lý các hành vi gian lận trong sử dụng nước.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ thông tin (Tổng đài nội bộ, ứng dụng chăm sóc khách hàng, Zalo OA, Website, mạng xã hội,...). Tiếp nhận, xử lý kịp thời ý kiến phản ánh của khách hàng, bảo đảm cung cấp nước an toàn, ổn định và liên tục.
- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp nước theo hướng đơn giản - minh bạch - nhanh gọn, tạo thuận lợi tối đa cho người dân tổ chức và doanh nghiệp.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung đầu tư, mua sắm, tiếp nhận chuyển tiếp từ năm 2025, khi được cấp thẩm quyền chấp thuận như: đầu tư, tiếp nhận Nhà máy nước Năm Căn; hồ nước ngọt U Minh, xây dựng Trạm cấp nước

Phan Ngọc Hiển và tiếp nhận các khu đất được giao hoặc mua đất đầu tư các trạm cấp nước tại các phường, xã; mua sắm thiết bị, thuê dịch vụ tư vấn và phí tư vấn, bảo đảm theo quy định và hiệu quả.

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty cũng như định hướng tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

2.1. Chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	17.800.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	14,50
3	Phát triển khách hàng	KH	2.000	2.150	2.500
4	Thay và cải tạo ĐHN	Cái	13.000	13.000	14.500
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60%	60%	70%

2.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	Trđ	153.600	155.022	158.700	102,37%
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	132.775	100,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	25.925	110,60%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	20.740	110,60%
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	35.000	103,18%
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	9,68	110,63%

2.3. Phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ	Kế hoạch	Ước thực hiện	Tỷ lệ	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5%	264	281	1%	207
2	Quỹ thưởng người quản lý	3%	528	563	2,5%	519
3	Dự phòng phải trả khác	3%	528	563	1%	207

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ	Kế hoạch	Ước thực hiện	Tỷ lệ	Thành tiền
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	3.520	3.750	23%	4.770
	- <i>Quỹ khen thưởng (KH 60%)</i>	10%	1.760	1.875		2.862
	- <i>Quỹ phúc lợi (KH 40%)</i>	10%	1.760	1.875		1.908
5	Cổ tức	72,5%	12.760	13.595	72,5%	15.037
	Tổng cộng:	100%	17.600	18.752	100%	20.740

* Dự phòng phải trả khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính. Khoản dự phòng này thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; trường hợp không sử dụng hết, phần còn lại được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định.

3. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương năm 2026:

3.1. Kế hoạch lao động năm 2026:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp nhân sự hợp lý, phát huy sở trường từng cá nhân, bảo đảm năng suất và hiệu quả hoạt động:

- Tổng số lao động: **262** người. Trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người.
- + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người.
- + Người lao động (bao gồm BDH) : 260 người.

Trong đó:

- . Ban điều hành : 05 người.
- . Người lao động : 255 người.

- Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026 chi tiết kèm theo **Phụ lục 1**.

3.2. Kế hoạch tiền lương năm 2026:

- Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025, các chỉ tiêu thực hiện đạt, vượt so với kế hoạch và năng suất lao động tăng, Công ty xây dựng quỹ lương kế hoạch năm 2026 như sau:

- Tổng quỹ tiền lương **48.494** triệu đồng.

Trong đó:

- + Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT : 843,6 triệu đồng.
- + Quỹ tiền lương Trưởng BKS : 436,8 triệu đồng.
- + Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm BDH): 47.214 triệu đồng.

Trong đó:

. Ban điều hành : 2.844 triệu đồng.

. Người lao động : 44.370 triệu đồng.

- Tổng quỹ thù lao: **528** triệu đồng.

- Kế hoạch tiền lương năm 2026 chi tiết kèm theo **Phụ lục 2**.

4. Các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

4.1. Công tác quản trị nội bộ

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện quy chế, quy định nội bộ phù hợp pháp luật và tình hình thực tế.

- Nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng nhân sự, cải thiện môi trường làm việc và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

- Cải thiện môi trường làm việc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, Thỏa ước lao động tập thể; tăng cường giám sát công tác an toàn lao động, PCCC, kỷ luật lao động

4.2. Công tác đầu tư và phát triển

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW vào tổ chức, hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp nước.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư, mua sắm chuyển tiếp của năm 2025 chuyển sang như: nhà máy nước Năm Căn, Nhà máy nước mặt U Minh, trạm cấp nước Ngọc Hiển, mua đất đầu tư các trạm cấp nước các tại các phường Tân Thành, Hòa Thành, An Xuyên và Lý Văn Lâm, nhà máy nước đóng chai, mua ô tô chuyên dùng, thiết bị và các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mua và xin giao đất để xây dựng mới các trạm cấp nước, khoan giếng khai thác mới, nâng cấp các tuyến ống và cải tạo hạ tầng không đạt chuẩn kỹ thuật; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để chỉnh trang và phát triển hạ tầng cấp nước kịp thời phục vụ người dân. Song song đó, thực hiện mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ, hóa chất phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh, bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả của hệ thống cấp nước.

- Đầu tư và lắp đặt thiết bị công nghệ hiện đại: hệ thống xử lý nước, quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước, giám sát áp lực mạng, scada, biến tần, đồng hồ thông minh, thiết bị dò tìm rò rỉ, năng lượng mặt trời,...

- Thực hiện các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn như: lập thủ tục đất đai, giấy phép khai thác, lập dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm định giá, phần mềm chuyên ngành, bảo hiểm,...

- Cải tạo, sửa chữa trụ sở, nhà máy, trạm cấp nước, bảo trì thiết bị điện, cơ khí, máy phát, bơm, tủ điều khiển theo quy định.

- Tiếp nhận các hệ thống cấp nước do UBND tỉnh bàn giao (nếu có), đảm bảo vận hành hiệu quả và an toàn.

- Tiếp tục tạm ứng nguồn vốn SXKD của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và hoàn trả từ nguồn lợi nhuận hàng năm của Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn để đầu tư cải tạo, mở rộng đường ống cấp nước, phát triển khách hàng, thay thế, nâng, di dời đồng hồ nước hết niên hạn kiểm định, hệ thống công nghệ, xử lý nước, khoan giếng nâng nguồn cấp,... nhằm đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ người dân trong khu vực.

Trong quá trình thực hiện, giao Ban điều hành cân đối nguồn tiền Công ty thu được hàng tháng và Quy trình mua sắm vật tư đã ban hành để thực hiện mời thầu, mua sắm trực tiếp hoặc chỉ định thầu rút gọn thường xuyên để phục vụ sản xuất kinh doanh như: đầu tư nguồn nước, mua sắm vật tư thường xuyên, hóa chất, thiết bị, công nghệ xử lý nước, tư vấn, phi tư vấn, thay thế, nâng, di dời đồng hồ nước, cải tạo, mở rộng đường ống cấp nước, xây dựng, bảo dưỡng giếng khoan, công nghệ, máy phát điện, trạm lắp giếng,... phù hợp với điều kiện tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty. Trường hợp, do yêu cầu cấp thiết, vì nhiệm vụ cấp nước an toàn cho hệ thống, phục vụ người dân hoặc yêu cầu của địa phương, thì giao Ban điều hành xin ý kiến HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT xem xét, cho ý kiến để Ban điều hành căn cứ thực hiện kịp thời.

4.3. Công tác tổ chức vận hành và quản lý sản xuất - kinh doanh

- Tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các nhà máy, trạm cấp và trên toàn hệ thống đường ống theo đúng quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; tăng cường tần suất nội, ngoại kiểm nhằm bảo đảm chất lượng nước cung cấp đến khách hàng luôn đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Triển khai mở rộng hơn nữa công tác giám sát trực tuyến thông qua hệ thống camera, cảm biến chất lượng nước, thiết bị truyền tín hiệu và hệ thống scada; lắp đặt bổ sung bộ cảm biến áp lực để theo dõi biến động áp lực mạng, kịp thời phát hiện và xử lý sự cố. Đồng thời thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ vùng vệ sinh lấy nước, bảo đảm an toàn và ổn định nguồn nước cung cấp.

- Tiếp tục thực hiện công tác phân vùng, tách mạng và lắp đặt đồng hồ tổng nhằm theo dõi, kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước để có phương án xử lý cụ thể; chủ động dò tìm rò rỉ, kịp thời sửa chữa và điều tiết áp lực nước để hạn chế thất thoát, giảm chi phí và tránh lãng phí tài nguyên nước.

- Đồng bộ hóa các chủng loại vật tư, thiết bị trong toàn hệ thống cấp nước; thay thế các đồng hồ nước không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, hết niên hạn kiểm định và áp dụng niêm phong chì bằng nhựa có mã QR để cập nhật thông tin khách hàng thay cho phương thức bấm chì truyền thống.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của khách hàng trong việc sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm và tránh lãng phí tài nguyên nước.

4.4. Công tác chăm sóc khách hàng

- Tiếp tục, kiện toàn đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, xử lý kịp thời phản hồi của khách hàng. Tiếp tục mở rộng các kênh chăm sóc khách hàng (các ứng dụng di động, website của Công ty,...) để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin về dịch vụ của Công ty như: chất lượng nước, sự cố cấp nước, thanh toán tiền nước, yêu cầu sửa chữa, lắp đặt đồng hồ nước,...

- Khảo sát định kỳ nhu cầu khách hàng, lập kế hoạch mở rộng mạng lưới hợp lý, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước.

- Tích hợp công nghệ AI vào công tác ghi chỉ số đồng hồ cơ nhằm hỗ trợ ghi nhận nhanh hơn, chính xác hơn và giảm thiểu các sai sót không đáng có. Tiếp tục duy trì thực hiện việc lắp đặt mới, thay thế và di dời đồng hồ nước theo đúng quy định, bảo đảm công tác ghi chỉ số được thực hiện thuận tiện, hiệu quả và chính xác.

- Triển khai thực hiện thu tiền nước không dùng tiền mặt bắt buộc đối với các khu vực nội ô; đồng thời vận động khách hàng tại các khu vực còn lại thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các kênh như ngân hàng, ví điện tử và ứng dụng di động, nhằm tạo sự thuận tiện trong quá trình thanh toán và tiến tới chấm dứt việc thu tiền nước tại nhà.

4.5. Các giải pháp để tăng doanh thu và lợi nhuận

- Tập trung khai thác hiệu quả thị trường khách hàng hiện hữu, đồng thời đẩy mạnh phát triển khách hàng mới tại các khu nhà ở xã hội, khu dân cư, khu đô thị, khu, cụm công nghiệp và các công trình công cộng; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi từ sử dụng nguồn nước tự khai thác sang sử dụng nước sạch tập trung, qua đó nâng cao tỷ lệ đầu nối, tăng sản lượng tiêu thụ và doanh thu ổn định, bền vững.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp giảm thất thoát, thất thu nước và kiểm soát chi phí, tập trung vào phân vùng, tách mạng; dò tìm, sửa chữa rò rỉ; cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp; tối ưu hóa công tác vận hành hệ thống nhằm tiết giảm chi phí điện năng, hóa chất xử lý nước và chi phí sửa chữa thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản lý ghi thu, hóa đơn và công nợ, kiểm soát chặt chẽ chỉ số đồng hồ, xác định đúng mục đích sử dụng nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, giảm nợ đọng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và dòng tiền của Công ty.

- Hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả, nâng cao chất lượng dự báo, lập kế hoạch và điều hành; gắn trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị với kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Phát triển và khai thác hiệu quả các dịch vụ phụ trợ trong lĩnh vực cấp nước như lắp đặt, di dời, thay thế và kiểm định đồng hồ nước, dịch vụ sửa chữa, tư vấn kỹ thuật theo quy định; chuẩn hóa quy trình và đơn giá dịch vụ, đa dạng hóa nguồn thu ngoài tiền nước, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

4.6. Công tác tài chính, tài sản và công nợ

- Tiếp tục tăng cường cập nhật và thực hiện nghiêm chế độ kế toán, chức năng quản lý, giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, kiểm tra, giám sát thu, chi, công nợ, xây dựng kế hoạch tài chính, tiền lương, có giải pháp tiết kiệm chi phí, đẩy nhanh công tác quyết toán, công khai minh bạch kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả vốn, tài sản, vật tư, công cụ dụng cụ; khai thác tối đa nguồn vốn nội bộ, sử dụng linh hoạt nguồn vay.

- Thực hiện nghiêm túc pháp luật về thuế, kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời các loại thuế, phí, các khoản bảo hiểm, cổ tức và các khoản nộp ngân sách theo quy định.

- Tập trung nguồn vốn đầu tư các công trình thực sự cần thiết phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Chú trọng vào việc đầu tư thêm các công nghệ hiện đại, nghiên cứu các biện pháp quản lý, áp dụng khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động.

- Tiếp tục rà soát, xử lý kịp thời các tài sản, hàng hóa, vật tư tồn kho, phế liệu hiện không còn phù hợp sử dụng để xử lý, thanh lý, hủy bỏ theo quy định.

4.7. Công tác công bố thông tin

- Thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, song ngữ (Việt – Anh) đối với Công ty đại chúng theo quy định.

4.8. Về công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện SXKD:

- Ban kiểm soát thường xuyên tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty tại các đơn vị trực thuộc; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm duy trì ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Duy trì kiểm tra định kỳ và đột xuất chất lượng nước tại các nhà máy, trạm cấp nước, mạng lưới phân phối và tại nguồn cấp, bảo đảm các chỉ tiêu an toàn theo quy chuẩn quốc gia như: độ pH, độ đục, hàm lượng vi sinh, kim loại nặng,... đảm bảo nước cung cấp đến người sử dụng đạt tiêu chuẩn an toàn, ổn định và liên tục.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát áp lực tại các nhà máy, trạm cấp nước và các điểm bất lợi trên mạng lưới để kịp thời điều chỉnh chế độ vận hành phù hợp, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Rà soát, kiểm tra mục đích sử dụng nước và đối tượng khách hàng nhằm điều chỉnh theo quy định, góp phần giảm thất thu, tạo sự công bằng, minh bạch và hài hòa lợi ích giữa khách hàng và Công ty.

- Tổ chức kiểm tra, thay thế kịp thời các đồng hồ nước hết niên hạn kiểm định hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiến tới chuẩn hóa hệ thống đồng hồ, cao độ và vị trí lắp đặt, giúp thuận lợi, nhanh chóng và chính xác trong công tác ghi chỉ số.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới đường ống, giếng khoan, trạm xử lý nước, biến tần, bơm chìm, máy phát điện dự phòng; kịp thời phát hiện, khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp khách hàng sử dụng nước gian lận, không đúng quy định, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của Công ty và người tiêu dùng.

- Ban Điều hành định kỳ hàng tháng và hàng quý tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân tích nguyên nhân các hạn chế, khó khăn; từ đó đề ra biện pháp khắc phục, chỉ đạo kịp thời để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

4.9. Công tác khác

- Phối hợp với Đảng ủy trong việc xây dựng và phát triển tổ chức, đảm bảo sự thống nhất giữa định hướng chính trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, dân chủ và minh bạch, thường xuyên phối hợp để đánh giá, rút kinh nghiệm và giải quyết các vấn đề phát sinh,...

- Phối hợp Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật, nội quy, quy định Công ty; phát động phong trào thi đua khuyến khích người lao động đưa ra các sáng kiến cải tiến trong sản xuất và tiết kiệm chi phí; chăm lo đời sống người lao động; các hoạt động thiện nguyện,...

- Tiếp tục đẩy mạnh tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện, nhân đạo; thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn và hình ảnh tích cực của Công ty trong xã hội.

- Thực hiện tốt công tác chi hỗ trợ giá nước sạch cho các hộ gia đình chính sách theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

5. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty (thu tiền nước, lắp đặt ống nhánh, cúp mở nước).

- Nguồn để lại từ khoản thu hộ ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Nguồn khấu hao.

- Nguồn hợp pháp khác.

- Nguồn huy động: Vay ngắn hạn hoặc vay trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng, phù hợp theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty (do Hội đồng quản trị xem xét quyết định).

Phần 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua, Ban Điều hành Công ty căn cứ nội dung Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả trong toàn Công ty. Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị. Trường hợp có phát sinh, khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, Ban điều hành kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến thực hiện.

Trường hợp có những công trình đầu tư, xây dựng, mua sắm, tư vấn, phi tư vấn, xử lý nước, khoan giếng,... vượt hạn mức quy định hoặc nằm ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, mang tính cấp thiết để phục vụ khách hàng; ĐHĐCĐ giao cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT cho ý kiến Ban điều hành thực hiện kịp thời để đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục phục vụ đến khách hàng. Các trường hợp khác, cho phép Ban điều hành cân đối nguồn thu hàng

tháng tiếp tục thực hiện ngay việc chỉ định thầu rút gọn để kịp thời tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng của Công ty và hoàn thành kế hoạch được giao./.

*** Đính kèm:**

- Phụ lục 1: Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026;
- Phụ lục 2: Kế hoạch tiền lương năm 2026;
- Phụ lục 3: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Cà Mau;
- HĐQT Công ty;
- BKS, BDH Công ty;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu: VT, PKHKD, iO.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-CNCM ngày 26/12/2025
của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau)*

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:

- Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.
- Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động và phù hợp với chiến lược sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, tay nghề, năng lực, sở trường của người lao động và nhu cầu công việc của các đơn vị, nhằm sử dụng lao động hiệu quả.

3. Đánh giá tình hình lao động năm 2025:

3.1. Số lượng lao động:

- Tổng số lao động: **254** người. Trong đó:
 - + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
 - + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
 - + Người lao động (bao gồm BĐH) : 252 người.

Cụ thể:

TT	Tổng số lao động	Số LĐ năm 2024 chuyển sang	Số LĐ tuyển mới	Số LĐ thôi việc, nghỉ hưu	Số LĐ dự kiến đến thời điểm 31/12	Số LĐ bình quân sử dụng 2025
I	Chủ tịch HĐQT	1	0	0	1	1
II	Trưởng BKS	1	0	1	1	1
III	Người lao động (bao gồm BDH)	255	4	6	252	255
1	Ban điều hành	3			3	3
1	Phòng Tổ chức Nhân sự	16		2	15	15
2	Phòng Kế toán Tài vụ	9			9	9
3	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	43	2	1	38	42
4	Phòng Cấp nước an toàn	19			23	21
5	Phòng Kỹ thuật	13			14	13
6	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1	34			33	34
7	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2	36	1	1	36	36
8	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	17	1	1	18	17
9	Chi nhánh CN Sông Đốc	15			14	15
10	Chi nhánh CN Trần Văn Thời	5			5	5
11	Chi nhánh CN Khánh An	11			11	11
12	Chi nhánh CN Thới Bình	7			7	7
13	Chi nhánh CN Cái Đôi Vàm	8			8	8
14	Chi nhánh CN Đầm Dơi	7		1	6	7
15	Chi nhánh CN Cái Nước	6			6	6
16	Chi nhánh CN Phan Ngọc Hiển	6			6	6
	CỘNG (I + II + III)	257	4	7	254	

- Số lao động bình quân thực tế sử dụng trong năm 2025:

- + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- + Người lao động (bao gồm BDH) : 255 người.

3.2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đào tạo:

3.2.1. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Người lao động (bao gồm Ban điều hành):

- + Thạc sĩ : 04 người, tỷ lệ: 1,59 %/tổng số NLĐ;
- + Đại học : 109 người, tỷ lệ: 43,25 %/tổng số NLĐ;
- + Cao đẳng, trung cấp : 45 người, tỷ lệ: 17,86 %/tổng số NLĐ;
- + Lao động có tay nghề : 17 người, tỷ lệ: 6,75 %/tổng số NLĐ;
- + Lao động phổ thông : 77 người, tỷ lệ: 30,55 %/tổng số NLĐ.

3.2.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ: 18 lớp, với số lượng: 321 lượt người.

3.3. Cơ cấu lao động:

3.3.1. Theo giới tính:

- Lao động nữ : 43 người, tỷ lệ: 17,06 %/tổng số NLĐ;
- Lao động nam : 209 người, tỷ lệ: 82,94 %/tổng số NLĐ.

3.3.2. Lao động gián tiếp và trực tiếp:

- Lao động gián tiếp: 73 người, tỷ lệ: 28,97 %/tổng số NLĐ;
- Lao động trực tiếp: 179 người, tỷ lệ: 71,03 %/tổng số NLĐ.

3.3.3. Tỷ lệ lao động thôi việc:

- Số lao động thôi việc: 06 người, tỷ lệ: 2,38 %/tổng số NLĐ.

3.4. Hiệu quả sử dụng lao động:

3.4.1. Ưu điểm:

- Hiệu suất lao động tăng: Công ty sắp xếp, bố trí lao động theo vị trí việc làm hiệu quả; thực hiện các chỉ tiêu đạt và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

- Sử dụng nhân lực hiệu quả: Lựa chọn, bố trí người lao động phù hợp với chuyên môn, tay nghề, năng lực, sở trường và yêu cầu công việc.

- Tỷ lệ thôi việc thấp: Chủ yếu lao động lớn tuổi, sức khỏe không đảm bảo xin tự nguyện thôi việc hoặc hết tuổi lao động.

- Tuân thủ pháp luật về lao động: Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở Công ty tuyên truyền, phổ biến công tác an toàn vệ sinh lao động, tổ chức

các lớp tập huấn, trang bị bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc của người lao động; trong năm không xảy ra sự cố về an toàn lao động.

3.4.2. Hạn chế:

- Công tác quản lý, giám sát của một số lãnh đạo cấp đơn vị còn hạn chế, thiếu kỹ năng lãnh đạo dẫn đến lao động làm việc chưa đạt hiệu suất như mong muốn.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu với tình hình mới hiện nay, khả năng thích nghi với công nghệ mới còn hạn chế.

- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa đạt hiệu quả cao, thiếu chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ, thường tập trung đào tạo theo nhu cầu cấp bách.

4. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026:

4.1. Tổng số lao động:

Kế hoạch lao động năm 2026 xây dựng trên cơ sở tình hình sử dụng lao động năm 2025 và quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty, cụ thể:

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- Người lao động (bao gồm BĐH) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người
- + Người lao động : 255 người

(Ghi chú: Tăng 2%/lao động bình quân thực tế sử dụng năm 2025, tương đương 05 lao động).

4.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Năm 2026, theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Công ty đào tạo dài hạn, đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ hoặc nâng cao tay nghề cho người lao động, nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn,

tăng hiệu suất làm việc, đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc và phát triển bền vững Công ty.

5. Tổ chức thực hiện:

Kế hoạch này sau khi được cấp thẩm quyền thông qua, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật./.

**PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ**



Lê Nhan Quyên

**ĐD. CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ CÔNG TY**



Trần Quốc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-CNCM ngày 26/12/2025
của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau)*

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:

- Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.
- Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
- Hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm của người lao động và Quy định trả lương, thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) năm 2024.
- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Mục tiêu:

- Xây dựng mức lương kế hoạch phù hợp với khả năng tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Mức lương phản ánh đúng giá trị công việc và sự đóng góp của người quản lý, người lao động trong Công ty.
- Phù hợp với các quy định về mức lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội bắt buộc và các chế độ, chính sách khác theo quy định của Công ty và pháp luật.

3. Quỹ tiền lương và quỹ thù lao thực hiện năm 2025 (ước thực hiện):

3.1. Quỹ tiền lương và mức tiền lương năm 2025:

3.1.1. Quỹ tiền lương của người quản lý và người lao động:

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	777,48	

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
2	Quỹ tiền lương Trưởng ban kiểm soát	01	480,48	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành):	255	43.724	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)	03	1.765	
	- Người lao động	252	41.959	
	Tổng cộng	257	44.982	

Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) bao gồm: Tiền lương thực hiện theo kế hoạch và tiền lương trích thêm do lợi nhuận thực hiện tăng so với lợi nhuận kế hoạch (lợi nhuận ước thực hiện đạt 106,55%).

3.1.2. Mức tiền lương của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương kế hoạch năm 2025 (Tr.đồng/tháng)	Mức tiền lương ước thực hiện năm 2025 (Tr.đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	58,9	64,7	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	40	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	13	14,2	Mức TL bình quân
1	Tổng giám đốc	50	55,5	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	45	49,9	ĐDVNN
3	Kế toán trưởng	37,5	41,6	
4	Người lao động	12,5	13,8	

3.2. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2025:

3.2.1. Quỹ thù lao:

TT	Chức danh	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	

TT	Chức danh	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

3.2.2. Mức thù lao:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

4. Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2026:

Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025 và dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026; tình hình sử dụng lao động năm 2025 và kế hoạch lao động năm 2026 và yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng công việc của người quản lý, người lao động tại Công ty. Công ty xây dựng Kế hoạch quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026, như sau:

4.1. Quỹ tiền lương và mức tiền lương năm 2026:

4.1.1. Quỹ tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành)	260	47.214	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)	05	2.844	
	- Người lao động	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

4.1.2. Mức tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

4.2. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2026:

4.2.1. Quỹ thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Kế hoạch 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

4.2.2. Mức thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

5. Tổ chức thực hiện:

- Công ty trả tiền lương, thù lao cho người quản lý, người lao động theo Hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm, các quy chế, quy định trả lương, thưởng của người quản lý, người lao động và đảm bảo thời hạn trả lương đúng theo quy định của Thỏa ước Lao động tập thể.

- Trên cơ sở Quỹ tiền lương kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, hàng tháng Công ty tạm ứng 93% để chi lương cho người quản lý và người lao động. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh Công ty thực hiện quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện theo quy định và sẽ quyết toán số còn lại (nếu có) cho người quản lý, người lao động đúng thời hạn quy định.

- Kế hoạch này sau khi được cấp thẩm quyền thông qua, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật./.

**PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ**



Lê Nhan Quyên

**ĐD. CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ CÔNG TY**



Trần Quốc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

Số: 04 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025
và kế hoạch năm 2026**

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả tiền lương, thù lao và tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2025 và trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

1.1. Mức tiền lương, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương		
			TL thực hiện theo kế hoạch	TL trích thêm (do LN tăng)	Tổng mức TL thực hiện
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	00	58,9	3,534	62,434
2	Thành viên HĐQT tham gia điều hành:				
	- Tổng giám đốc	08	50	03	53
	- Phó Tổng giám đốc	08	45	2,7	47,7

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương		
			TL thực hiện theo kế hoạch	TL trích thêm (do LN tăng)	Tổng mức TL thực hiện
3	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	08	00	00	00
II	Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	00	36,4	2,184	38,584
2	Thành viên BKS	04	00	00	00

1.2. Tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Tiền thưởng người quản lý bao gồm: Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT tham gia điều hành và Trưởng BKS chuyên trách:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chức danh	Tiền thưởng	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	93,651	
2	Thành viên HĐQT tham gia điều hành:		
-	Tổng giám đốc	79,5	
-	Phó Tổng giám đốc	71,55	
3	Trưởng Ban kiểm soát	57,876	

- Tiền thưởng của người lao động: Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 25/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026:

2.1. Mức tiền lương, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	00	70,3
2	Thành viên HĐQT tham gia điều hành:		
	- Tổng giám đốc	08	60

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương
	- Phó Tổng giám đốc	08	48
3	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	08	00
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	00	36,4
2	Thành viên BKS	04	00

2.2. Tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2026, người quản lý chuyên trách (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT tham gia điều hành và Trưởng BKS) được hưởng thêm tiền thưởng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

Số: 05 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt
tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An**

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An, trước đây Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) đã phối hợp với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng (Công ty Đức Hùng) đề xuất thực hiện dự án đầu tư, được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Nghị quyết số 06/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 25/6/2024.

Ngày 11/02/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau thông báo mời thầu số IB2600064003, lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An. Theo đó, Người đại diện phần vốn nhà nước đã báo cáo xin ý kiến Chủ sở hữu cho phép Công ty liên danh với Công ty Đức Hùng tham gia đấu thầu nhà đầu tư vào ngày 08/4/2026, theo tỷ lệ vốn đầu tư dự kiến: Công ty 50%; Công ty Đức Hùng 50% (tỷ lệ này có thể thay đổi sau khi trúng thầu) và được chấp thuận.

Hiện nay, Bên mời thầu đang đánh giá hồ sơ dự thầu nhà đầu tư; sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nếu nhà thầu liên danh được trúng thầu; Công ty tiếp tục phối hợp với Công ty Đức Hùng xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An; đầu nối vào hệ thống cấp nước của Công ty thông qua đồng hồ tổng để bổ sung nguồn nước cấp phục vụ cho người dân đảm bảo an toàn, liên tục.

Thời gian thực hiện: theo tiến độ của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An.

Nguồn vốn thực hiện: từ nguồn sản xuất kinh doanh của Công ty, nguồn vốn của Công ty Đức Hùng, nguồn vốn vay ngân hàng và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- HĐCĐ Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

Số: 06 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước và
nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn**

Dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn được UBND tỉnh Cà Mau cho chủ trương tại Công văn số 6200/UBND-KT ngày 19/9/2022 và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 12/QĐ-BQL ngày 09/12/2025 (điều chỉnh lần 01) và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ký quỹ số IGT2439306 ngày 29/12/2025 do ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau phát hành với giá trị bảo lãnh 1.210.200.080 đồng; theo đó, dự án được phân kỳ đầu tư gồm 03 giai đoạn như sau:

(1). Giai đoạn I: Nâng cấp, cải tạo nhà máy cấp nước Hàng Vính, công suất 2.950 m³/ngày đêm, thời gian thực hiện từ quý IV, năm 2025 đến quý III, năm 2026.

(2). Giai đoạn II: Thực hiện giai đoạn đầu của dự án Xây dựng mới nhà máy cấp nước Năm Căn tại vị trí Trường tiểu học 2 (diện tích 5.388,0 m²), công suất 2.950 m³/ngày đêm, thời gian thực hiện từ quý III, năm 2026.

(3). Giai đoạn III: Thực hiện giai đoạn hoàn thiện dự án Xây dựng mới nhà máy cấp nước Năm Căn trên phần đất thu hồi các hộ dân (diện tích đất 1.137,5 m²), công suất 3.050 m³/ngày đêm, thời gian thực hiện từ quý I, năm 2030.

Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) đã hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi và trình Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Tờ trình số 05/TTr-CNCM ngày 30/12/2025. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phát sinh một số công việc như lập quy hoạch tổng mặt bằng; thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; thu hồi đất, bàn giao mặt bằng xây dựng dự án,...

Sau khi Công ty hoàn thiện các công việc phát sinh nêu trên và được cấp thẩm quyền giao mặt bằng Trường tiểu học 2 (diện tích 5.388,0 m²), Công ty

triển khai thực hiện giai đoạn I, dự kiến vào quý III, năm 2026 và thực hiện giai đoạn II, trong năm 2027.

Nguồn vốn thực hiện dự án: Nguồn thu của hệ thống cấp nước Năm Căn, tạm ứng từ nguồn sản xuất kinh doanh của Công ty, vốn vay và nguồn huy động hợp pháp khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT, BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Số 01 /TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

I- Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

1. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các công ty đại chúng.

2. Có đội ngũ kiểm toán viên trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với lĩnh vực hoạt động của Công ty và các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam; thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Đảm bảo độc lập, khách quan; không có xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

4. Có trách nhiệm phối hợp với Công ty trong việc trả lời các thắc mắc hoặc giải trình theo yêu cầu của cổ đông và cơ quan có thẩm quyền.

5. Mức phí dịch vụ kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

II- Danh sách các đơn vị kiểm toán được đề xuất

Căn cứ vào các tiêu chí nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho

Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn, thương thảo, ký hợp đồng 01 trong 03 đơn vị có tên sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Cụ thể:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 02 đường Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: 33 đường Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán FAC

Địa chỉ: 64/4 đường DHT 21, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Huyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Địa chỉ: Số 204 Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
- Mã số doanh nghiệp: 2000101918
- Mã chứng khoán: CMW
- Điện thoại: 02903 836 723 – 02930 836 360

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Địa chỉ: Số 204 Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
- Mã số doanh nghiệp: 2000101918
- Mã chứng khoán: CMW
- Điện thoại: 02903 836 723 – 02930 836 360

Năm 2026

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

*(Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Số: 09/NQ-DHDCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026)*

Chương I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

g) *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người phụ trách quản trị công ty;

h) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế

toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty và người được ủy quyền công bố thông tin.

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

n) *Công ty* là Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Tên tiếng Anh: Ca Mau Water Supply Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: CAWACO

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

- Điện thoại: 02903 836723

- Fax: 02903 836723

- E-mail: ctycapnuoccamau@yahoo.com

- Website: www.ctncamau.com.vn

4. Công ty được thành lập chi nhánh trực thuộc tại các phường, xã thuộc tỉnh Cà Mau để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.</i>	1104

TT	Tên ngành	Mã ngành
2	Khai thác, xử lý và cung cấp nước <i>Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện (nay là các phường, xã).</i>	3600 (chính)
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch</i>	4663
4	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế giếng nước ngầm có công suất dưới 70m³/h và các công trình chuyên ngành cấp nước.</i>	7020
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Dịch vụ kiểm định đồng hồ nước.</i>	7120
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Tư vấn, giám sát các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp nước,...</i>	7490
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi, điều hòa không khí	4322
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15	Bán buôn đồ uống	4633
16	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc, thiết bị và chế tạo thiết bị ngành nước</i>	3290
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán hóa chất ngành nước, trừ hóa chất nhà nước cấm</i>	4669

TT	Tên ngành	Mã ngành
18	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên <i>Chi tiết: Phân tích, xét nghiệm chất lượng nước</i>	7211
21	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm theo người điều khiển	7730
22	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

a) Đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của khách hàng trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động, kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông;

c) Không ngừng phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành, nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 155.349.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.534.900 (Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/một cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau được chuyển đổi từ doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, nên không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

Chương VI

CÓ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm

soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin, hồ sơ, tài liệu được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax hoặc thư điện tử khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, thì Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp); giải thể Công ty;

k) Quyết định mức tiền lương hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định mức tiền lương hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi doanh nghiệp);

o) Giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;

s) Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua:

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty mà Công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Công ty) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định.

- Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

+ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty và người có liên quan của các đối tượng này;

+ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

+ Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

- Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;

c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng các phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ

đồng, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm: họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác (có đại diện phần vốn nhà nước) làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều

hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự,

ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Điều 19. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- d) Tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp); giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự,

thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Công ty được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ty tại từng thời điểm;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội

đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này và khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này và khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có). Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty tối thiểu là 01 thành viên; Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Chấp thuận các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người phụ trách quản trị công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức (chia, tách, sáp nhập, đổi tên, thành lập, giải thể,... các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Công ty); các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập văn phòng đại diện,

công ty con, các đơn vị trực thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp); giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc

làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Công ty có nhiều hơn một người là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối

với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, e-mail, fax, ioffice, zalo hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (từ 04 thành viên trở lên) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (từ 03 thành viên trở lên) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, zalo, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 29. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý, điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý, điều hành Công ty gồm có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Người điều hành Công ty được trả lương và thưởng; tiền lương và thưởng của người điều hành do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định tại điểm d, khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.

4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (không quá 05 năm) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức (chia, tách, sáp nhập, thành lập, giải thể,... các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Công ty); các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc nếu thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì phải xin ý kiến của người đại diện theo pháp luật trước khi thực hiện và được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định (nếu có).

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (không quá 05 năm) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; Trưởng Ban kiểm soát có thể làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành

kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của nhà nước.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và người lao động của Công ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu

tiền có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, người lao động hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 41. Thông tin nội bộ và bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty

1. Thông tin nội bộ của Công ty là toàn bộ dữ liệu, tài liệu, số liệu, kế hoạch, báo cáo, hồ sơ hoặc thông tin khác do Công ty tạo ra, sở hữu hoặc quản lý mà chưa được công bố công khai, gồm có:

- a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, đầu tư;
- b) Thông tin, tài liệu liên quan đến cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành;

c) Thông tin, tài liệu, số liệu về tài chính, nhân sự, lao động, hợp đồng lao động, tiền lương và các chế độ, chính sách khác;

d) Các hệ thống kỹ thuật, hệ thống quản lý mạng cấp nước, quy trình, nghiệp vụ;

đ) Các thông tin, văn bản nội bộ khác liên quan đến tất cả hoạt động của Công ty chưa được công bố.

2. Bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty là thông tin có giá trị thương mại, trí tuệ, kỹ thuật, tài chính, chiến lược mà nếu bị tiết lộ có thể ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty hoặc làm mất lợi thế cạnh tranh, gồm có:

a) Công nghệ, quy trình vận hành hệ thống cấp nước, phần mềm, thiết bị chuyên dụng;

b) Thông tin, dữ liệu khách hàng, hợp đồng cung cấp nước, chính sách giá, đối tác, nhà cung cấp;

c) Thông tin tài chính, báo cáo nội bộ chưa công bố, kế hoạch đầu tư, hợp đồng kinh tế;

d) Kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, giá dự thầu, chiến lược thương lượng;

đ) Các ý tưởng, sáng kiến, phát minh, bản thiết kế, mô hình kỹ thuật thuộc quyền sở hữu của Công ty.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban

kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản; nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Người lao động và tổ chức công đoàn

1. Tổng giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ thực hiện theo quy định tại điểm e, Khoản 2, Điều 27 Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025, các văn bản hướng dẫn của pháp luật và theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (công ty cổ phần).

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính

năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và Báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm Báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 51. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số người lao động của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục a đến d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Điều 55. Công ty đại chúng

1. Công ty đại chúng là công ty cổ phần nếu thuộc một trong hai trường hợp sau:

- a) Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ.

b) Công ty đã thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Chứng khoán.

2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục đăng ký để trở thành công ty đại chúng thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trường hợp Công ty không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của Nhà nước thì thực hiện hồ sơ, thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định.

Điều 56. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, thực hiện theo Luật Chứng khoán hoặc quy định của pháp luật về cổ phần hóa; trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 49% vốn điều lệ Công ty.

Chương XXI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 58. Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2021 hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành.

3. Điều lệ này được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2026.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hồ Tấn Luật**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2026

Cà Mau, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2026 của Đại hội đồng
cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Công
ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm các nội dung sau:*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; các hoạt động khác đã được quy định hoặc chưa được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty là Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
2. Điều lệ là Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ công ty.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty.

4. Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4, 5, 6 Điều 16 Điều lệ công ty. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 2 Điều 15 Điều lệ công ty.

6. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ trực tiếp hoặc gửi Giấy đăng ký/Giấy ủy quyền đăng ký dự họp (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp) về Công ty.

Cổ đông đăng ký hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong Thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp.
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp.
- Gửi Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử khác.

7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 17 Điều lệ công ty.

8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu theo điểm a khoản 1 Điều 18 Điều lệ công ty.

9. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo Điều 19 Điều lệ công ty.

10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lập và công bố thông tin theo Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm Thông báo mời họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

a) Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của cổ đông.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet,...).

c) Cách thức ghi nhận cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo khoản 3 Điều này và đã thực hiện biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử:

a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email, zalo, điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập

qua email, zalo, điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

c) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo Điều 15 Điều lệ công ty.

b) Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, zalo,... Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến.

+ Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.

+ Công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp trực tuyến.

- Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy bỏ ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy bỏ ủy quyền có hiệu lực tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy bỏ ủy quyền trực tuyến.

- Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

6. Hình thức thông qua nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được quy định tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- a) Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo khoản 8 Điều này.
- b) Hoặc hình thức khác do Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định.

7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận;
- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp;
- Ban thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp.

b) Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:

- Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản sau.

8. Cách thức bỏ phiếu điện tử:

a) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết: **tán thành, không tán thành, không có ý kiến** đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b) Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Căn cứ Điều lệ công ty, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, cổ

đồng hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

c) Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó.

- Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó.

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh ngoài chương trình họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của cuộc họp.

- Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

9. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/ bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 9 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.

Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

12. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.

13. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng:

a) Trong thời gian Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền,...

b) Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến:

a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm Thông báo mời họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 6 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến) theo khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 4 Điều 7 Quy chế này.

5. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo Điều 17 Điều lệ công ty.

6. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 6 Điều 7 Quy chế này.

7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 7 Điều 7 Quy chế này.

8. Cách thức bỏ phiếu:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 8 Điều 7 Quy chế này.

9. Cách thức kiểm phiếu:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 9 Điều 7 Quy chế này.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 9 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty. Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là địa điểm Chủ tọa có mặt; địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

12. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo Điều 21 Điều lệ công ty.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 2, khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 11. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Danh sách ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm khi hết nhiệm kỳ.

Điều 13. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên Website công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty

1. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Am hiểu về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động tổ chức, sản xuất, kinh doanh của Công ty.

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người phụ trách quản trị công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Có đơn từ chức.

c) Vi phạm nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Công ty công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty trên website của Công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ công ty.

Điều 16. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát theo Điều 33 Điều lệ công ty.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Danh sách ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

3. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty.

b) Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị miễn nhiệm khi hết nhiệm kỳ.

Điều 19. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trên Website công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc Công ty.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty. Các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc nếu thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì phải xin ý kiến của người đại diện theo pháp luật trước khi thực hiện và được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định (nếu cần).

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Nguyên tắc chung

a) Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

b) Bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan trong quản trị, điều hành, giám sát; không chồng chéo, không can thiệp trái thẩm quyền.

c) Bảo đảm nguyên tắc minh bạch, kịp thời, chính xác trong trao đổi, cung cấp và xử lý thông tin.

d) Đảm bảo hiệu quả quản trị, quản lý, kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.

đ) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có trách nhiệm phối hợp với nhau để ứng phó sự cố hoặc đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

2. Nguyên tắc phối hợp riêng đối với từng cơ quan

a) Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm soát rủi ro về các lĩnh vực hoạt động của Công ty: tổ chức, tài chính, kinh doanh, kỹ thuật, đặc biệt kiểm soát rủi ro đối với lĩnh vực cung cấp nước sạch liên tục, an toàn và đạt chất lượng theo quy định; đưa ra cảnh báo hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

b) Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, định hướng và quyết định các vấn đề chiến lược của Công ty.

- Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày; chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách.

c) Phối hợp giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập; không can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều 28 Điều lệ công ty và quy định sau:

a) Ban kiểm soát được nhận thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát và Tổng giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Cuộc họp Ban kiểm soát:

a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm. Yêu cầu tham dự họp Ban kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).

b) Biên bản họp của Ban kiểm soát có sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

5. Trường hợp Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị thì phải gửi văn bản đến Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 28 Điều lệ công ty.

6. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng giám đốc phải lập báo cáo gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về:

- a) Kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- b) Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- c) Việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc giao thực hiện.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Công ty; Ban kiểm soát giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c) Hội đồng quản trị tổ chức các đoàn kiểm tra tại Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty phải gửi quyết định kiểm tra đến Ban kiểm soát được biết. Ban kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra và phải có văn bản thông báo đến Hội đồng quản trị về việc tham gia này.

d) Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty trước 05 ngày làm việc.

Điều 23. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty

1. Đánh giá hàng năm:

a) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty và có ý kiến đối với Trưởng Ban kiểm soát.

b) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Ban kiểm soát tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

c) Mức độ đánh giá: Không hoàn thành nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Khen thưởng:

a) Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định việc trích Quỹ khen thưởng đối thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị Công ty theo quy định.

b) Căn cứ kết quả đánh giá hàng năm, Hội đồng quản trị quyết định việc chi khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị Công ty (nếu có).

3. Kỷ luật:

a) Thẩm quyền xử lý kỷ luật:

- Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị nếu vi phạm.

- Ban kiểm soát xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát nếu vi phạm.

- Hội đồng quản trị xem xét, quyết định kỷ luật đối với thành viên Ban điều hành và người phụ trách quản trị Công ty nếu vi phạm.

b) Hình thức xử lý kỷ luật:

Tùy theo mức độ vi phạm, xử lý kỷ luật từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Chương VII

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau gồm 07 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2026.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hồ Tấn Luật

